

Số: 04/2025/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 16 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn”.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Luyến

Thư ký phiên họp: Ông Đặng Đức Cường - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Vũ Thị T**, sinh ngày 25/3/1989;

Số định danh: 030189009290

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã A, thành phố Hải Phòng

Anh **Cao Vương T1**, sinh ngày 20/3/1987;

Số CMND: 142533993 cấp ngày 30/8/2006

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã A, thành phố Hải Phòng

Nơi cư trú hiện nay: Số E, phòng 507, tòa A, Chung cư C, xã H-ri, huyện C, tỉnh Gyeongsang Bắc, Hàn Quốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh T1 nhận văn bản tố tụng: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 19/11/1990 (Số định danh: 034190021357) và chị Lê Thị Kiều N, sinh ngày 15/12/1996 (Số định danh: 035196000543);

Đều có địa chỉ: Số B T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

(Giấy uỷ quyền ngày 21/7/2025)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, sinh ngày 05/07/1960 (Số định danh: 030160021825);

Địa chỉ: Thôn A, xã A, thành phố Hải Phòng

Đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai của chị Vũ Thị T và anh Cao Vương T1, cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Cao Vương T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) ngày 04/9/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Năm 2018, anh T1 đi lao động tại Hàn Quốc. Do vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, hai bên gia đình cũng đã động viên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị T và anh T1 cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Việt Đ, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Cao Vương L, sinh ngày 15/02/2015, hiện các con chung đang sống cùng bà nội Nguyễn Thị S. Chị T và anh T1 cùng thống nhất giao các con chung cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam, anh chị thống nhất giao các con cho bà S chăm sóc cho đến khi anh T1 về nước.

Về tài sản chung: Chị T, anh T1 cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị T tự nguyện chịu cả lệ phí theo quy định của pháp luật.

Các con chung là Cao Việt Đ và Cao Vương L đều có nguyện vọng được ở với anh T1 và bà S.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1 là chị H, chị N trong việc giao nhận văn bản tố tụng trình bày: Chị H, chị N nhất trí nhận ủy quyền của anh T1 và thực hiện việc giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, các chị đã thông báo cho anh T1 biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S khai: Bà nhất trí việc chăm sóc con chung của chị T, anh T1 trong thời gian anh T1 ở nước ngoài. Anh T1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên họp các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Cao Vương T1. Giao các con chung Cao Việt Đ và Cao Vương L cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên, chị T và anh T1 tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Tạm giao Cao Việt Đ và Cao Vương L cho bà S chăm sóc trong thời gian anh T1 ở nước ngoài. Chị T tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vũ Thị T và anh Cao Vương T1 đều có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con. Chị T, anh T1 đều có HKTT tại thôn A, xã A, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, anh T1 đang sinh sống tại Hàn Quốc. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Hải Phòng. Anh T1 không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai đến Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng, các tài liệu của anh T1 chưa được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của anh T1 đối với các tài liệu này. Kết quả giám định cho thấy, dấu vân tay in trong các tài liệu trên so với dấu vân tay in trong Chỉ bản số 142533993, lập ngày 30/6/2006, mang tên Cao Vương T1, sinh ngày

20/3/1987, ĐKHKTT: An Bình, N, Hải Dương là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà anh T1 giao nộp là ý chí, nguyện vọng của anh. Do các đương sự đều đề nghị xin được vắng mặt nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Cao Vương T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) ngày 04/9/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Năm 2018, anh T1 đi lao động tại Hàn Quốc. Do vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, hai bên gia đình cũng đã động viên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị T và anh T1 cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh T1 theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Thông thống N1 giao các con chung cho anh T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (trên 18 tuổi). Con chung của chị T và anh T1 là cháu Cao Việt Đ, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Cao Vương L, sinh ngày 15/02/2015 đều có nguyện vọng được ở với anh T1 và bà S. Trong thời gian anh T1 không có mặt tại Việt Nam anh chị thống nhất tạm giao các con cho bà S chăm sóc cho đến khi anh T1 về nước. Về cấp dưỡng cho con: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu cả tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Cao Vương T1.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Vũ Thị T và anh Cao Vương T1, giao các con chung Cao Việt Đ, sinh ngày 28/10/2009 và Cao Vương L, sinh ngày 15/02/2015 cho anh Cao Vương T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị T, anh T1 tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị T, anh T1 là Cao Việt Đ, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Cao Vương L, sinh ngày 15/02/2015 trong thời gian anh T1 ở nước ngoài.

3. Về lệ phí: Chị Vũ Thị T tự nguyện chịu cả 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000760 ngày 07/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã A, thành phố Hải Phòng (lưu hộ tịch, ĐKKH số 60/2009);
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Vũ Thị Luyến